



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán ngân hàng thương mại HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	01					
2	000002	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	01					
3	000003	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	01					
4	000004	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	01					
5	000005	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	01					HP
6	000006	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	01					
7	000007	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	01					
8	000008	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	01					
9	000009	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01					HP
2	000002	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01					
3	000003	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	01					
4	000004	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01					
5	000005	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	01					
6	000006	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	01					
7	000007	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	01					
8	000008	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	01					
9	000009	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	01					
10	000010	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	01					
11	000011	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	01					HP
12	000012	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	01					
13	000013	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	01					
14	000014	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	01					
15	000015	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	01					
16	000016	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	01					
17	000017	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	01					
18	000018	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	01					
19	000019	1001020230	Lê Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	01					
20	000020	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	01					
21	000021	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01					HP,ĐK
22	000022	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000023	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	01					HP
2	000024	0810210469	Tô Tuấn	Anh	02/06/2001	KD8G	01					HP
3	000025	0810211042	Nguyễn Thu	Phương	06/04/2002	KD8H	01					
4	000026	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	01					
5	000027	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	01					
6	000028	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	01					
7	000029	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	01					
8	000030	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	01					
9	000031	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01					
10	000032	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01					HP
11	000033	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	01					
12	000034	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	01					HP
13	000035	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	01					
14	000036	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	02					
15	000037	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	02					
16	000038	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	02					HP
17	000039	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	02					
18	000040	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	02					
19	000041	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	02					
20	000042	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	02					
21	000043	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	02					
22	000044	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	02					HP
23	000045	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	02					
24	000046	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	02					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000047	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	02					
2	000048	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	02					
3	000049	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	02					
4	000050	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	02					
5	000051	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	02					
6	000052	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	02					
7	000053	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	02					HP
8	000054	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	02					
9	000055	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	02					
10	000056	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	02					
11	000057	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	02					
12	000058	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	02					
13	000059	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	02					HP
14	000060	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	02					
15	000061	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	02					
16	000062	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	02					HP
17	000063	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	02					HP
18	000064	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	02					
19	000065	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	02					
20	000066	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	02					
21	000067	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	02					
22	000068	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	02					HP
23	000069	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	02					HP
24	000070	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	02					HP
25	000071	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	02					
26	000072	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	02					HP
27	000073	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	02					
28	000074	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	02					
29	000075	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	02					
30	000076	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	02					
31	000077	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	01					
2	000002	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01					
3	000003	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01					
4	000004	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	01					
5	000005	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01					
6	000006	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	01					HP
7	000007	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	01					HP
8	000008	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	01					
9	000009	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	01					
10	000010	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	01					HP
11	000011	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	01					
12	000012	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	01					HP
13	000013	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	01					
14	000014	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	01					
15	000015	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	01					
16	000016	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	01					
17	000017	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	01					
18	000018	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	01					HP,ĐK
19	000019	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	01					HP
20	000020	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	01					
21	000021	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	01					
22	000022	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	01					HP,ĐK
23	000023	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	01					
24	000024	0810211042	Nguyễn Thu	Phương	06/04/2002	KD8H	01					
25	000025	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	01					
26	000026	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	01					
27	000027	0901020421	Đào Mạnh	Sơn	02/11/2003	KD9G	01					HP,ĐK
28	000028	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	01					
29	000029	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	01					HP,ĐK
30	000030	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	01					
31	000031	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	01					HP,ĐK
32	000032	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý thống kê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					HP
2	000002	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	01					ĐK
3	000003	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	01					HP,ĐK
4	000004	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	01					ĐK
5	000005	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	01					
6	000006	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01					
7	000007	1101020262	Hoàng Minh	Thảo	27/09/2005	KD11A	01					HP,ĐK
8	000008	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	01					
9	000009	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	01					
10	000010	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	01					
11	000011	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	01					HP
12	000012	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	01					
13	000013	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	01					
14	000014	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	01					HP
15	000015	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	01					
16	000016	1104020008	Lê Thị Bích	Lập	08/08/1988	LT11A	01					
17	000017	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01					
18	000018	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01					HP,ĐK
19	000019	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	01					
20	000020	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	01					
21	000021	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	01					
22	000022	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	01					HP
23	000023	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	01					
24	000024	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01					HP
25	000025	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	01					
26	000026	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	01					ĐK
27	000027	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	01					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Toán cao cấp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	01					
2	000002	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	01					HP
3	000003	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	01					HP
4	000004	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01					
5	000005	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	01					HP
6	000006	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	01					
7	000007	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	01					
8	000008	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	01					
9	000009	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	01					HP,ĐK
10	000010	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	01					ĐK
11	000011	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	01					
12	000012	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	01					
13	000013	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	01					HP
14	000014	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	01					HP,ĐK
15	000015	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	01					HP
16	000016	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	01					HP,ĐK
17	000017	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	01					HP
18	000018	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					
19	000019	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					
20	000020	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	01					HP,ĐK
21	000021	1201011214	Phạm Trung	Dũng	04/09/2006	NH12B	01					HP,ĐK
22	000022	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	01					
23	000023	1201011396	Nguyễn Thế	Sơn	30/12/2005	NH12B	01					
24	000024	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	01					
25	000025	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP,ĐK
26	000026	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	01					HP,ĐK
27	000027	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	01					HP
28	000028	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01					HP
29	000029	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	01					
30	000030	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	01					
31	000031	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	01					
32	000032	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	01					
33	000033	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Thẩm định giá bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	01					
2	000002	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	01					
3	000003	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	01					
4	000004	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	01					
5	000005	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	01					
6	000006	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	01					
7	000007	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	01					
8	000008	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	01					
9	000009	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	01					
10	000010	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					
11	000011	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	01					
12	000012	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	01					
13	000013	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	01					
14	000014	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					
15	000015	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	01					
16	000016	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	01					
17	000017	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	01					
18	000018	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	01					
19	000019	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	01					
20	000020	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	01					
21	000021	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	01					
22	000022	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	01					
23	000023	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	01					
24	000024	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	01					
25	000025	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	01					
26	000026	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	01					
27	000027	0810120493	Hoàng Văn	Lâm	27/04/2002	NH8A	01					
28	000028	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	01					
2	000002	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	01					
3	000003	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	01					HP
4	000004	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	01					HP,ĐK
5	000005	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	01					
6	000006	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	01					
7	000007	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01					HP
8	000008	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01					
9	000009	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01					
10	000010	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01					HP
11	000011	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01					
12	000012	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	01					
13	000013	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	01					
14	000014	1101020290	Lê Thị Thuý	Tĩnh	23/10/2005	KD11B	01					HP
15	000015	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	01					
16	000016	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	01					HP
17	000017	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	01					
18	000018	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	01					
19	000019	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	01					HP
20	000020	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	01					
21	000021	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	01					
22	000022	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	01					
23	000023	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	01					
24	000024	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	01					
25	000025	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	01					
26	000026	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	01					
27	000027	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01					
28	000028	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01					HP
2	000030	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	01					
3	000031	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	01					HP
4	000032	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01					HP
5	000033	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	01					
6	000034	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	01					
7	000035	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	01					
8	000036	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01					
9	000037	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01					
10	000038	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01					
11	000039	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01					HP
12	000040	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01					
13	000041	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01					HP
14	000042	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01					
15	000043	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01					
16	000044	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01					
17	000045	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01					
18	000046	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01					
19	000047	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	02					
20	000048	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	02					
21	000049	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	02					
22	000050	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	02					
23	000051	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	02					HP
24	000052	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	02					HP
25	000053	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	02					
26	000054	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02					
27	000055	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	02					
28	000056	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000057	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP
2	000058	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02					
3	000059	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	02					
4	000060	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	02					
5	000061	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	02					HP
6	000062	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	02					HP
7	000063	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	02					
8	000064	1101020334	Phạm Tiểu	Yến	24/10/2005	KD11E	02					HP
9	000065	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	02					HP
10	000066	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	02					HP
11	000067	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	02					HP
12	000068	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	02					HP
13	000069	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	02					HP
14	000070	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	02					
15	000071	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	02					
16	000072	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	02					
17	000073	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02					
18	000074	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02					
19	000075	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02					
20	000076	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02					
21	000077	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02					
22	000078	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02					
23	000079	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02					
24	000080	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02					HP
25	000081	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000082	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02					
2	000083	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02					
3	000084	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02					HP
4	000085	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02					
5	000086	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02					HP
6	000087	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	02					
7	000088	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	03					
8	000089	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	03					
9	000090	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	03					
10	000091	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	03					
11	000092	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	03					
12	000093	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	03					
13	000094	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	03					
14	000095	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	03					
15	000096	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	03					
16	000097	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	03					
17	000098	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03					
18	000099	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	03					
19	000100	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	03					
20	000101	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	03					HP
21	000102	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	03					
22	000103	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	03					
23	000104	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	03					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000105	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	03					
2	000106	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	03					
3	000107	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	03					HP,ĐK
4	000108	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	03					
5	000109	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	03					
6	000110	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	03					
7	000111	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	03					
8	000112	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	03					
9	000113	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	03					
10	000114	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	03					
11	000115	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	03					
12	000116	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	03					
13	000117	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	03					
14	000118	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	03					
15	000119	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	03					
16	000120	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	03					
17	000121	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	03					HP
18	000122	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	03					
19	000123	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	03					
20	000124	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	03					
21	000125	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	03					
22	000126	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	01					HP
2	000002	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	01					
3	000003	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	01					HP
4	000004	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	01					HP
5	000005	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	01					
6	000006	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	01					HP
7	000007	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	01					
8	000008	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	01					
9	000009	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					HP
10	000010	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	01					
11	000011	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	01					
12	000012	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	01					
13	000013	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	01					
14	000014	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	01					
15	000015	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	01					
16	000016	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01					
17	000017	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	01					
18	000018	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	01					HP
19	000019	0905020006	Nguyễn Hồng	Văn	15/01/1996	LTĐH9A	01					HP,ĐK
20	000020	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	01					
21	000021	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	01					
22	000022	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	01					
23	000023	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01					HP
24	000024	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	01					HP
25	000025	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	01					
26	000026	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	01					HP
27	000027	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01					
28	000028	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01					HP
29	000029	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01					HP
30	000030	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	01					
31	000031	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	01					
32	000032	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	000033	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01					HP
34	000034	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	01					HP
35	000035	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	01					HP
36	000036	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	01					
2	000002	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	01					
3	000003	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	01					
4	000004	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01					HP
5	000005	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01					HP
6	000006	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	01					
7	000007	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	01					
8	000008	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	01					HP
9	000009	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	01					HP
10	000010	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	01					HP
11	000011	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	01					HP
12	000012	1101071116	Nguyễn Quỳnh Mai	Anh	12/10/2004	KL11A	01					
13	000013	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đăng	30/07/2005	KL11A	01					HP
14	000014	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	01					
15	000015	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01					HP
16	000016	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					
17	000017	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01					
18	000018	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01					
19	000019	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01					HP
20	000020	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01					
21	000021	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	01					HP
22	000022	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	01					HP,ĐK
23	000023	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	01					
24	000024	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	01					
25	000025	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000026	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	01					HP
2	000027	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01					
3	000028	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	01					HP
4	000029	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	01					
5	000030	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	01					
6	000031	1101030595	Lê Quyền	Linh	21/07/2005	QT11B	01					HP
7	000032	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	01					
8	000033	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	01					
9	000034	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	01					
10	000035	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	01					HP
11	000036	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	01					
12	000037	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	01					
13	000038	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	01					
14	000039	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01					
15	000040	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01					
16	000041	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quyên	01/01/2005	TM11A	01					
17	000042	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01					
18	000043	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	01					
19	000044	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	02					
20	000045	1001020299	Phạm Thị	Thùy	18/06/2004	KD10E	02					HP,ĐK
21	000046	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	02					HP
22	000047	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	02					
23	000048	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	02					HP
24	000049	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	02					HP
25	000050	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000051	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	02					HP
2	000052	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	02					HP
3	000053	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	02					HP
4	000054	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	02					
5	000055	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	02					HP,ĐK
6	000056	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02					
7	000057	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	02					
8	000058	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	02					
9	000059	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	02					
10	000060	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	02					HP
11	000061	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	02					
12	000062	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	02					HP
13	000063	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	02					
14	000064	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	02					
15	000065	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	02					HP
16	000066	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	02					
17	000067	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	02					
18	000068	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	02					
19	000069	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	02					HP
20	000070	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	02					
21	000071	1101020334	Phạm Tiểu	Yến	24/10/2005	KD11E	02					HP
22	000072	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	02					ĐK
23	000073	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	02					HP
24	000074	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	02					
25	000075	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000076	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	02					HP
2	000077	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	02					HP
3	000078	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	02					
4	000079	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	02					
5	000080	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	02					
6	000081	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	02					HP
7	000082	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	02					
8	000083	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	02					
9	000084	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	02					
10	000085	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	02					
11	000086	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	02					HP
12	000087	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02					
13	000088	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	03					HP
14	000089	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	03					HP
15	000090	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	03					
16	000091	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	03					
17	000092	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	03					
18	000093	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	03					HP
19	000094	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	03					
20	000095	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	03					
21	000096	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	03					
22	000097	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	03					
23	000098	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	03					
24	000099	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	03					HP
25	000100	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03					HP
2	000102	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	03					
3	000103	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	03					
4	000104	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	03					HP
5	000105	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	03					HP
6	000106	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	03					HP
7	000107	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	03					HP
8	000108	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	03					HP
9	000109	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	03					HP
10	000110	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	03					HP,ĐK
11	000111	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	03					
12	000112	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03					
13	000113	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	03					
14	000114	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	03					
15	000115	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	03					
16	000116	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	03					
17	000117	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	03					
18	000118	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	03					
19	000119	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	03					
20	000120	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	03					
21	000121	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	03					HP
22	000122	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	03					HP
23	000123	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	03					
24	000124	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	03					HP
25	000125	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	03					HP
26	000126	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	03					HP
27	000127	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	03					
28	000128	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	03					
2	000130	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	03					
3	000131	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	04					
4	000132	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	04					
5	000133	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	04					ĐK
6	000134	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	04					
7	000135	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	04					
8	000136	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	04					
9	000137	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	04					HP
10	000138	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	04					
11	000139	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	04					
12	000140	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	04					
13	000141	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	04					
14	000142	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	04					
15	000143	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	04					
16	000144	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	04					
17	000145	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	04					HP,ĐK
18	000146	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	04					HP,ĐK
19	000147	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	04					HP
20	000148	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	04					HP
21	000149	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	04					HP,ĐK
22	000150	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	04					
23	000151	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000152	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	04					HP
2	000153	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	04					
3	000154	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	04					
4	000155	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	04					HP
5	000156	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	04					HP
6	000157	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	04					
7	000158	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	04					
8	000159	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	04					
9	000160	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	04					
10	000161	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	04					HP,ĐK
11	000162	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	04					
12	000163	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	04					
13	000164	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	04					HP,ĐK
14	000165	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	04					
15	000166	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	04					
16	000167	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	04					
17	000168	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	04					
18	000169	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	04					ĐK
19	000170	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	04					
20	000171	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	04					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2